

Bản án số: 63/2018/DS-ST
Ngày 08 tháng 4 năm 2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Lê Thị Kim Em

2/ Ông Nguyễn Đình Rành

Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Phương Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Ngày 08/4/2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 417/2018/DSST ngày 10 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2019/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2019/QĐST-DS ngày 22/3/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà NTHH, sinh năm 1963;

Địa chỉ: aa NQ, phường HP, Quận 9, Tp. Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông TrNV, sinh năm 1967; Địa chỉ: aa NQ, phường HP, Quận 9, Tp. Hồ Chí Minh. (Văn bản ủy quyền ngày 22/9/2018). (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông NĐH, sinh năm 1984;

Địa chỉ: số 502/a/b HTP, phường BT, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh; Tạm trú: cc Đường số 10, khu phố 2, phường BT, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông TrTK, sinh năm 1990; Địa chỉ: Ca/c đường PH, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh; *Người đại diện hợp pháp của ông K:* ông TrNV, sinh năm 1967; Địa chỉ: aa NQ, phường HP, Quận 9, Tp. Hồ Chí Minh. (Văn bản ủy quyền ngày 08/08/2018). (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/09/2018, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đại diện nguyên đơn - ông V trình bày:

Bà H là vợ ông đồng thời là bạn đồng nghiệp làm chung Bệnh viện Từ Dũ với ông H1 nên có sự thân quen.

Ông H1 cần tiền nên có vay của bà H nhiều lần tổng cộng 1.530.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm ba mươi triệu đồng) là tiền riêng của bà H, lãi suất 3%/tháng; Thời điểm vay từ tháng 5 năm 2017, hạn vay từ 03 tháng đến 9 tháng, không thể chấp.

Do bà H không có tiền nên có vay của nhiều người thân rồi giao cho ông H1 vì vậy có giấy nợ của từng lần vay, tuy nhiên tại Ủy ban nhân dân phường BT ông H1 xác nhận chỉ vay của bà H không liên quan gì đến người thân của bà H nên hai bên thống nhất và phường lập biên bản ông H1 vay của bà H 1.530.000.000 đồng (Các giấy nợ của người thân bà H nếu còn thì không có giá trị, bà H phải tự trả họ). Ông V xác định bà H cho cá nhân ông H1 vay, vợ ông H1 không vay nên không yêu cầu cùng có nghĩa vụ với ông H1. Về tiền lãi ông xác nhận đã nhận của ông H1 tổng cộng 150.000.000 đồng, ông xác định trả lãi cho khoảng thời gian từ tháng 5/2017 đến tháng 3/2019.

Đại diện bà H, ông yêu cầu ông H1 trả tiền gốc 1.530.000.000 một lần trong hạn 2 tháng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, nếu đến hạn không trả thì phải trả lãi theo quy định của pháp luật.

* Tại bản tự khai ngày 28/02/2019 trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông H1 trình bày:

Ông xác định ông chỉ nợ bà H, từ tháng 5/2017 đến tháng 3/2018 vay nhiều lần khác nhau, tổng số nợ là 1.530.000.000 đồng. Theo yêu cầu của bà H ông viết giấy vay nợ của ông TrTK 400.000.000 đồng và ông TrTK 100.000.000 đồng. Ông xác định chỉ nợ bà H, những giấy vay nợ đã viết không còn giá trị và số nợ đó do bà H tự trả cho những người này. Ông xác nhận có trả lãi đủ từ tháng 5/2017 đến tháng 6/2018, không nhớ đã trả lãi là bao nhiêu, không có chứng cứ chứng minh đã trả đủ nên với xác nhận của nguyên đơn ông đã trả lãi 150.000.000 đồng ông đồng ý, không yêu cầu Tòa án tính lại lãi. Ông yêu cầu trả 1.530.000.000 đồng trong thời hạn từ 1 đến 2 năm. Không yêu cầu tính lãi.

* Tại bản tự khai ngày 26/02/2019 trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông K trình bày:

Ông TrTK là con ruột bà H và ông Kh. Thông qua giấy vay tiền ngày 12/01/2018, ông K cho ông H1 vay số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng với lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay là 6 tháng, không thế chấp. Ông giao tiền cho bà H chứ không giao tiền cho ông H1. Sau khi vay ông H1 có trả lãi cho bà H 15.000.000 đồng, từ 6/2018 đến nay chưa trả gốc và lãi.

Ông muốn bà H là người có trách nhiệm trả khoản vay 100.000.000 đồng cho ông vì thực tế ông chỉ giao tiền cho bà H chứ không giao tiền cho ông H1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về thẩm quyền khởi kiện:

Bị đơn cư trú tại Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 24/09/2018 nguyên đơn khởi kiện ông H1 tại Tòa án nhân dân Quận 7, đây là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7 – Thành phố Hồ Chí Minh theo khoản 3 Điều 26, khoản 1, khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Trong hồ sơ có giấy vay tiền ngày 10/4/2018 do ông H1 viết cho ông TrTK Kh. Tại bản khai ngày 26/02/2019, ông TrTK Kh khai thực tế ông chỉ giao tiền cho bà H và không biết ông H1 là ai. Hiện bà H đã trả đủ số tiền 400.000.000 đồng cho ông nên giấy vay tiền ngày 10/4/2018 không còn giá trị. Ông H1 cũng xác nhận chỉ nợ bà H nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết đưa ông Kh vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, xác nhận của bị đơn tại phiên tòa và các tài liệu có trong hồ sơ như: Biên bản làm việc ngày 17/8/2018 và Biên bản H giải ngày 22/8/2018 tại Ủy ban nhân dân phường Bình Thuận, Quận 7 đã đủ cơ sở xác định ông H1 có vay của bà H số tiền 1.530.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm ba mươi triệu đồng).

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 thì ông H1 có nghĩa vụ trả cho bà H 1.530.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm ba mươi triệu đồng). Vì vậy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[3] Xét về tiền lãi:

Đại diện nguyên đơn, ông V xác nhận có thỏa thuận với ông H1 lãi suất 3%/tháng, tuy nhiên ông H1 trả lãi không đều, từ tháng 5/2017 đến 31/3/2019 ông H1 đã trả bà H 150.000.000 đồng tiền lãi, ông không yêu cầu ông H1 phải trả thêm lãi cho khoảng thời gian này. Trường hợp đến hạn trả mà ông H1 không thực hiện ông đề nghị tính lãi theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy thỏa thuận vay nợ giữa hai bên là có lãi, với lãi suất cho vay 3%/tháng là cao so với quy định. Tuy nhiên đại diện nguyên đơn đã tự nguyện điều chỉnh tiền lãi cho phù hợp quy định khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự nên ghi nhận.

Phía ông H1 xác nhận không có chứng cứ chứng minh đã trả đủ 3%/tháng từ tháng 5/2017 đến tháng 6/2018, ông cũng đồng ý tính lãi đã trả đến ngày 31/3/2019 là 150.000.000 đồng nên không yêu cầu tính lại lãi, đây là sự tự nguyện của ông H1 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Xét thời gian trả:

Bị đơn có nguyện vọng trả 1.530.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm ba mươi triệu đồng) trong khoảng thời gian từ 1 đến 2 năm là không đảm bảo quyền lợi cho nguyên đơn nên yêu cầu của bị đơn không có cơ sở chấp nhận.

Đại diện nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 1.530.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm ba mươi triệu đồng) làm một lần trong hạn 2 tháng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử ghi nhận.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do bị đơn có nghĩa vụ trả tiền nên bị đơn có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả theo quy định tại Luật phí và lệ phí. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.
- Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ Luật Dân Sự năm 2015;
- Căn cứ Luật phí và lệ phí;
- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Xử:

Buộc ông NĐH có nghĩa vụ trả cho bà NTHH số tiền 1.530.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm ba mươi triệu đồng), trả làm một lần trong thời hạn 2 tháng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của

pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông NĐH phải chịu 57.900.000 đồng (Năm mươi bảy triệu chín trăm ngàn đồng).

Bà NTHH không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại bà H 30.525.000 đồng (Ba mươi triệu năm trăm hai mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2017/0026389 ngày 10/12/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Báo cho các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM ;
- Viện kiểm sát nhân dân Q7;
- Chi cục Thi hành án DS Q7;
- Mỗi đương sự;
- Lưu, hồ sơ. (Tký Thúc)

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Bích Thảo